

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý III và phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2023

Thực hiện Công văn số 1958/UBND-KSTT ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ; Ban Dân tộc báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) quý III và triển khai nhiệm vụ quý IV năm 2023 với các nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CCHC

1. Về tình hình xây dựng và triển khai Kế hoạch CCHC năm 2023

- Ban Dân tộc đã ban hành và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra đầu năm 2023: Quyết định số 02/QĐ-BDT ngày 11/01/2023 về ban hành kế hoạch CCHC năm 2023 của Ban Dân tộc; Quyết định số 35/QĐ-BDT ngày 21/4/2023 về việc điều chỉnh Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 01/KH-BDT ngày 04/01/2023 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 thuộc lĩnh vực công tác dân tộc; Kế hoạch số 03/KH-BDT ngày 11/01/2023 về duy trì, cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Quyết định số 06/QĐ-BDT ngày 31/01/2023 về ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2023 của Ban Dân tộc; Quyết định số 07/QĐ-BDT ngày 02/02/2023 về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Quyết định số 16/QĐ-BDT ngày 27/02/2023 về ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; Quyết định số 24/QĐ-BDT ngày 06/4/2023 về ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023; - Ban hành Kế hoạch số 34/KH-BDT ngày 19/7/2023 Kế hoạch cải thiện các chỉ số PCI, PAR INDEX, chỉ số PAPI, chỉ số SIPAS năm 2022 của Ban Dân tộc.... (Kết quả theo Phụ lục kèm theo).

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về CCHC; tình hình, kết quả nổi bật công tác cải cách hành chính của tỉnh và của cơ quan đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động và người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS & MN) trên địa bàn tỉnh: Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai Chương trình hành động số 12-CTr/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch 10316/KH-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Quyết định số

4831/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2023...

- Khuyến khích, động viên cán bộ, công chức tích cực nghiên cứu, đề xuất mô hình, sáng kiến cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc được giao. Trong năm 2023, có 03/03 công chức đề xuất sáng kiến CCHC, trong đó, có 01/03 sáng kiến được Tổ CCHC cơ quan xét chọn để tiếp tục hoàn chỉnh và gửi tham gia Cuộc thi “Mô hình, sáng kiến cải cách hành chính của công chức, viên chức trẻ” lần thứ 6 - năm 2023.

- Lãnh đạo quyết liệt quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tại cơ quan: sửa đổi, bổ sung các nội quy, quy chế nội bộ của cơ quan phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan và các quy định hiện hành. Tổ chức tự kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong nội bộ cơ quan tại 03/03 phòng (đạt 100% theo kế hoạch) và báo cáo kết quả gửi Sở Nội vụ theo quy định.

- Thường xuyên rà soát nhiệm vụ được UBND tỉnh giao và nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra, đảm bảo các văn bản được tham mưu có chất lượng, đúng thời gian quy định; 100% nhiệm vụ được UBND tỉnh giao hoàn thành đúng tiến độ, không có nhiệm vụ bị trễ hạn hoặc gia hạn.

- Quan tâm, tạo điều kiện, cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan công tác CCHC và ứng dụng công nghệ thông tin do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức nhằm nâng cao chất lượng cán bộ, công chức của Ban Dân tộc.

- Thương xuyên cập nhật đầy đủ các thông tin trên phần mềm quản lý cán bộ; Trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước đến cán bộ, công chức, người lao động và người dân.

- Kịp thời đề xuất khen thưởng đối với công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có thành tích về công tác cải cách hành chính.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Ban Dân tộc đã ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 24/QĐ-BDT ngày 06/4/2023 về Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023 của Ban Dân tộc. Trong Quý III/2023, Đoàn kiểm tra CCHC của Ban Dân tộc đã tổ chức tự kiểm tra công tác CCHC của các phòng chuyên môn thuộc Ban (Thông báo số 18/TB-BDT ngày 18/7/2023). Kết quả: đã kiểm tra 03/03 phòng, đạt 100% theo kế hoạch đề ra.

4. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn cải cách hành chính

- Lãnh đạo Ban thường xuyên quan tâm, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan nội dung các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về nhiệm vụ CCHC; kết quả nổi bật về CCHC của tỉnh, của cơ quan thông qua các cuộc họp chi bộ, giao ban hàng tuần, hàng tháng, qua hệ thống E-

office và đăng tải trên Trang thông tin điện tử cơ quan đảm bảo sự thông suốt trong chỉ đạo, điều hành.

- Lồng ghép tuyên truyền, phổ biến đến đồng bào vùng DTTS và miền núi các nội dung liên quan đến công tác CCHC: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong tiếp cận thông tin theo quy định pháp luật, trong mối quan hệ với các cơ quan hành chính ở địa phương; quyền và nghĩa vụ của đồng bào khi thực hiện thủ tục hành chính. Những nỗ lực, giải pháp của chính quyền tỉnh về hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nhằm tiếp tục duy trì ổn định đời sống xã hội, sản xuất kinh doanh; các kênh, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; một số kết quả nổi bật của tỉnh trong công tác CCHC 06 tháng đầu năm 2023.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 về ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2023 của Ban Dân tộc.

- Quan tâm, tạo điều kiện và cử cán bộ tham dự Hội nghị trao đổi về các giải pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) tỉnh Khánh Hòa năm 2023; Cử 01 công chức tham gia Đoàn học tập, nghiên cứu kinh nghiệm CCHC trong tỉnh.

- Viết 08 tin bài gửi Sở Nội vụ thẩm định để đăng tải trên Trang CCHC của tỉnh và Trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Ban Dân tộc đã tham mưu UBND trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 Quy định mức ngân sách địa phương hỗ trợ xây nhà ở cho hộ nghèo thuộc Dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Các nghị quyết được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định và được Sở Tư pháp thẩm định.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quy trình rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán thuộc Dự án 1: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Thực hiện Kế hoạch số 6848/KH-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 – 2027” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022, Ban Dân tộc đã ban hành Kế hoạch số 58/KHBĐT ngày 15/8/2022 về triển khai Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 – 2027” năm 2022

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc năm 2023, cụ thể:

+ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh tại Nghị quyết số 61/NQ- HĐND ngày 22/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cụ thể cho mỗi dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia tại kỳ họp thứ 10

+ Quyết định ban hành Quy định về quy trình rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán thuộc Dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

+ Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh về phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023 Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hoà (đợt 3).

+ Các Kế hoạch, văn bản của UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp xây dựng các dự án, đề án của các sở, ngành liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính của cơ quan

- Thực hiện Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023, Ban Dân tộc đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-BĐT ngày 02/02/2023 về Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023. Nội dung Kế hoạch đảm bảo đầy đủ các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định, có sự phân công, phối hợp nhiệm vụ rõ ràng, hợp lý; có xác định thời hạn thực hiện và dự kiến sản phẩm cụ thể.

- Trong quý III, Ban đã phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND huyện Khánh Vĩnh tiếp nhận, xử lý đúng hạn 01 hồ sơ trực tuyến cấp độ 3 trên dịch vụ hành chính công trực tuyến đối với thủ tục hành chính: Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện niêm yết thông tin tiếp nhận phản ánh kiến nghị (cơ quan tiếp nhận, địa chỉ, số điện thoại, hộp thư điện tử...) tại cơ quan và đăng tải trên Trang

thông tin điện tử của cơ quan. Tham gia ý kiến đối với quy định, quy trình nội bộ về TTHC của các sở, ban, ngành khi có yêu cầu. Trong quý III, Ban Dân tộc không có các kiến nghị, phản ánh liên quan đến thủ tục hành chính.

b) Kết quả thực hiện Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh

Lãnh đạo Ban Dân tộc tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; Công văn số 1039/VPUBND-KSTT ngày 16/11/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc hướng dẫn rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống HCNN giai đoạn 2022 - 2025 đến toàn thể cán bộ, công chức thông qua các cuộc họp giao ban, trên cổng thông tin điện tử và trên Hệ thống tác nghiệp điện tử E-Office của Ban.

Tiến hành rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước (Công văn số 253/BDT-VP ngày 20/3/2023 của Ban Dân tộc); Thống kê các thủ tục hành chính có khai thác thông tin trong CSDLQG về dân cư (Công văn số 861/BDT-VP ngày 11/9/2023).

Tham gia góp ý Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (về sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số); theo đó, dự thảo đã bỏ Điều 6 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ (*không quy định thủ tục hành chính*).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Thực hiện Công văn số 6542/UBND-TH ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh về việc xây dựng Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn; Ban Dân tộc đã xây dựng Dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hoà, gửi lấy ý kiến của các sở, ban, ngành và địa phương liên quan và gửi Sở Tư pháp, Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành theo quy định tại Tờ trình số 27/TTr-BDT ngày 14/8/2023.

- Phối hợp rà soát số liệu dân số, tỷ lệ người DTTS của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phục vụ công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Trong Quý III/2023, Ban Dân tộc đã tổ chức Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm lãnh đạo, quản lý; rà soát quy hoạch và tiến hành các bước ô chức quy trình bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý lãnh đạo cấp phòng đúng quy trình, thủ tục theo quy định.

- 100% cán bộ, công chức và người lao động chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; không có trường hợp cán bộ, công chức nào bị xử lý kỷ luật hoặc có khiếu nại, tố cáo, phản ánh của người dân, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến

cán bộ, công chức được thẩm tra, xác minh là có cơ sở.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 02/KH-BDT ngày 06/01/2023 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Ban Dân tộc năm 2023. Trong quý III, Ban Dân tộc đã tạo điều kiện cho 01 công chức (Phó Trưởng ban) tham gia kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp; cử 01 công chức tham gia lớp Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương; 01 công chức tham gia bồi dưỡng, tập huấn về bảo đảm An toàn thông tin; lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng OneTouch do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức năm 2023 và nhiều lượt cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn liên quan công tác chuyên môn, nghiệp vụ do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

5. Cải cách tài chính công

Căn cứ Luật ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, Ban đã nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách hàng năm, thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng nội dung và định mức được chi; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện công khai ngân sách theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 11/KH-BDT ngày 01/3/2023 về chuyển đổi số năm 2023; Kế hoạch số 17/KH-BDT ngày 27/3/2023 về Ứng phó sự cố, đảm bảo an toàn thông tin mạng của Ban Dân tộc năm 2023 và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ trên hệ thống báo cáo của tỉnh và các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trên phần mềm nhắc việc được thực hiện đầy đủ, đúng thời gian quy định và không có nhiệm vụ bị trễ hạn hoặc gia hạn.

- Rà soát Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Công văn số 418/BDT-VP ngày 15/5/2023 của Ban Dân tộc).

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả hệ thống mạng LAN hiện có, kết nối Internet qua đường truyền số liệu của UBND tỉnh; thực hiện gửi nhận văn bản dưới dạng điện tử qua hệ thống E-Office. 100% cán bộ, công chức của Ban đã thực hiện gửi, nhận văn bản dưới dạng điện tử qua hệ thống E-office và thư điện tử công vụ. Cơ quan đã trang bị thêm máy tính và phần mềm diệt virus nhằm tăng hiệu quả sử dụng và an toàn thông tin mạng. Thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời trên Trang thông tin điện tử của cơ quan và phần mềm quản lý cán bộ, công chức.

- Tiếp tục duy trì, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Các phòng bám sát và thực hiện đúng các quy trình nội bộ đã được ban hành tại HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (Kế hoạch số 03/KH-BDT ngày 11/01/2023 về duy trì, áp dụng, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của Ban Dân tộc năm 2023).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Lãnh đạo cơ quan luôn xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm gắn liền với nhiệm vụ chính trị của cơ quan; thường xuyên tuyên truyền, quán triệt

đầy đủ, kịp thời mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch CCHC năm 2023; tình hình và kết quả CCHC của tỉnh và của cơ quan đến toàn thể cán bộ, công tác CCHC của cơ quan ngày càng đi vào nề nếp và chất lượng tốt hơn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2023

1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan nội dung các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác CCHC. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 10562/KH-UBND ngày 31/10/2022; Rà soát, đơn giản thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 theo Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh.

2. Tiếp tục đổi mới lề lối làm việc theo quy định tại Kế hoạch số 10316/KH-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh về việc cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng tham mưu, thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc của các Sở, ngành, địa phương. Tạo điều kiện và cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng liên quan công tác CCHC của cơ quan.

3. Rà soát vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công tác dân tộc trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công tác dân tộc theo Thông tư số 01/2023/TT-UBND ngày 20/7/2023 của Ủy ban Dân tộc.

4. Tạo điều kiện và cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch năm 2023. Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3, 4 năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

5. Rà soát, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm E-Office trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc.

6. Tiếp tục duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào các hoạt động của cơ quan (tổ chức lấy phiếu sự hài lòng của các cơ quan, đơn vị đối với các hoạt động của Ban Dân tộc; tổ chức xem xét lãnh đạo...).

7. Theo dõi, cập nhật thông tin cán bộ, công chức, lao động trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, lao động và Trang thông tin điện tử cơ quan theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

8. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; thực hiện tự đánh giá, chấm điểm mức độ chuyển đổi số và cải cách hành chính năm 2023.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Ban Dân tộc kính đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, theo hướng phân cấp thẩm quyền quyết định TTHC từ UBND tỉnh về UBND cấp huyện đối với 02 thủ tục: Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc

thiểu số và miền núi; Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ).

Trên đây là kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III và phương hướng, nhiệm vụ quý IV của Ban Dân tộc./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (VBĐT);
- Sở Nội vụ (VBĐT);
- Sở TTTT (VBĐT);
- Sở Tư pháp (VBĐT);
- Sở KH-CN (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- Sở KHĐT (VBĐT);
- Lãnh đạo Ban (VBĐT);
- Phụ trách CNTT (đăng Website);
- Lưu: VT, VP.

TRƯỞNG BAN

Võ Nam Thắng

PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BDT ngày tháng năm 2023 của Ban Dân tộc)

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Thời hạn | Phân công thực hiện | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|----------|--|---|---------------|--|---|--------------|
| I | CẢI CÁCH THỂ CHẾ | | | | | |
| 1 | Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số quy định kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh (NQ QPPL) | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm dự thảo hồ sơ Nghị quyết của HĐND tỉnh | 15/02/2023 | Phòng Nghiệp vụ chuyên môn chủ trì; các phòng phối hợp thực hiện | - Tờ trình số 06/TTr-BDT ngày 14/02/2023 - Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 | Đúng tiến độ |
| 2 | Trình HĐND tỉnh Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm dự thảo hồ sơ Nghị quyết của HĐND tỉnh | Quý III/2023 | Phòng Nghiệp vụ chuyên môn; các phòng phối hợp thực hiện | - Tờ trình số 19/TTr-BDT ngày 07/7/2023 - Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 | Đúng tiến độ |
| 3 | Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà năm 2023 | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh | Tháng 06/2023 | Phòng Nghiệp vụ chuyên môn | - Công văn số 211/BDT-NV ngày 15/3/2023 - Kế hoạch số 2881/KH-UBND ngày 28/3/2023 | Đúng tiến độ |

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Thời hạn | Phân công thực hiện | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|-----------|--|---|---|---|--|--------------|
| 4 | Kế hoạch triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh năm 2023 | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm Kế hoạch của UBND tỉnh | Tháng 02/2023 | Văn phòng chủ trì; các phòng phối hợp thực hiện | - Tờ trình số 07/TTr-BDT ngày 21/02/2023 - Kế hoạch số 1872/KH-UBND ngày 02/3/2023 | Đúng tiến độ |
| 5 | Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023 | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh | Sau khi Thủ tướng có Quyết định phân bổ nguồn NSTW hỗ trợ | Phòng Nghiệp vụ chuyên môn | - Tờ trình số 08/TTr-BDT ngày 28/02/2023 - Kế hoạch số 2204/KH-UBND ngày 10/3/2023 | Đúng tiến độ |
| 6 | Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023 | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh | 30/6/2023 | Thanh tra Ban chủ trì; các phòng phối hợp thực hiện | - Tờ trình số 04/TTr-BDT ngày 30/01/2023 - Kế hoạch số 1380/KH-UBND ngày 17/02/2023 | Đúng tiến độ |
| 7 | Phối hợp xây dựng các dự án, đề án của các sở, ngành liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, chính sách dân tộc | Văn bản góp ý | Thường xuyên | Các phòng được giao nhiệm vụ | Các văn bản góp ý | Đúng tiến độ |
| II | CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | | | | | |

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Thời hạn | Phân công thực hiện | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|------------|---|--|-----------------------------|---|---|---------------------------------------|
| 8 | Tiếp tục rà soát, đơn giản hoá TTHC; cập nhật, tham mưu UBND tỉnh công bố TTHC mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo quy định thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc | Báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh | Trong năm | Đầu mỗi kiểm soát TTHC chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan | - Báo cáo số 22/BC-BDT ngày 15/3/2023 - Báo cáo số 79/BC-BDT ngày 15/6/2023 | Đúng tiến độ |
| 9 | Rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh | Danh mục TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý | Năm 2023 | Văn phòng chủ trì hướng dẫn; các phòng phối hợp thực hiện | Công văn số 253/BDT-VP ngày 20/3/2023 | Đúng tiến độ |
| 10 | Tổ chức thực thi phương án phân cấp trong giải quyết TTHC | Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC được thực thi trên địa bàn tỉnh | Theo tiến độ của Trung ương | Văn phòng chủ trì hướng dẫn; các phòng phối hợp thực hiện | | Thực hiện đúng tiến độ của trung ương |
| 11 | Tiếp nhận và xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính phục vụ cho việc cải cách thủ tục hành chính và hoàn thiện chính sách | Các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính được giải quyết kịp thời, công khai trên Hệ thống quản lý kiến nghị cử tri và Trang Thông tin điện tử của cơ quan | Thường xuyên | Văn phòng và các phòng chuyên môn | Tính đến thời điểm báo cáo, Ban Dân tộc chưa nhận bất kỳ về phản ánh, kiến nghị nào của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính phục vụ cho việc cải cách thủ tục hành chính và hoàn thiện chính sách | |
| III | CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY | | | | | |

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Thời hạn | Phân công thực hiện | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|----|---|--|--|--|--|---|
| 12 | Tiếp tục hoàn thiện Đề án vị trí việc làm trong cơ quan theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/8/2020 | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm Đề án vị trí việc làm | Theo tiến độ triển khai của Trung ương | Văn phòng chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn | Công văn số 735/BDT-VP ngày 15/9/2022 | Đang thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 01/2023/TT-UBDT ngày 20/7/2023 |
| 13 | Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2023 | Kế hoạch của Ban Dân tộc | Quý I/2023 | Văn phòng | Kế hoạch số 19/KH-BDT ngày 30/3/2023 | Đúng tiến độ |
| 14 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định trong hoạt động của cơ quan | Quyết định của Trưởng ban | Thường xuyên | Văn phòng | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 91/QĐ-BDT ngày 31/12/2022 về ban hành Quy chế làm việc của Ban Dân tộc; - Quyết định 92/QĐ-BDT ngày 31/12/2022 về Quy chế dân chủ cơ sở - Quyết định 93/QĐ-BDT ngày 31/12/2022 về Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức. - Quyết định 94/QĐ-BDT ngày 31/12/2023 về Quy chế thi đua khen thưởng; - Quyết định 95/QĐ-BDT ngày 31/12/2022 về Quy | Đúng tiến độ |

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Thời hạn | Phân công thực hiện | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|-----------|---|---------------------------|-----------------|----------------------------|---|----------------|
| | | | | | chế chi tiêu nội bộ; - Quyết định 97/QĐ-BDT ngày 31/12/2022 về Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; - Quyết định 96/QĐ-BDT ngày 31/12/2026 về Quy chế văn hóa công sở và văn hóa công vụ; | |
| IV | CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ | | | | | |
| 15 | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2023 | Kế hoạch của Ban Dân tộc | Tháng 01/ 2023 | Văn phòng | Kế hoạch số 02/KH-BDT ngày 06/01/2023 | Đúng tiến độ |
| 16 | Đánh giá, xếp loại chất lượng công chức theo kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao | Báo cáo | Quý IV/ 2023 | Văn phòng | | |
| 17 | Cập nhật, bổ sung đầy đủ thông tin phần mềm Quản lý CBCCVC | | Thường xuyên | Văn phòng | Đã cập nhật thường xuyên | Thường xuyên |
| V | CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG | | | | | |
| 18 | Sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ theo Hướng dẫn của Bộ Tài | Quyết định của Trưởng ban | Tháng 01/2023 | Văn phòng | Quyết định số 95/QĐ-BDT ngày 30/12/2022 | Đúng tiến độ |

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Thời hạn | Phân công thực hiện | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|-----------|---|-----------------------------|-----------------|--------------------------------|--|----------------|
| | chính và Bộ Nội vụ | | | | | |
| 19 | Công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách | Báo cáo | Định kỳ | Kế toán | - Quyết định 05/QĐ-BDT ngày 31/01/2023 - Quyết định 11/QĐ-BDT ngày 17/02/2023 - Quyết định 43/QĐ-BDT ngày 31/5/2023 - Quyết định 45/QĐ-BDT ngày 13/6/2023 | Đúng tiến độ |
| VI | XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ | | | | | |
| 20 | Tiếp tục cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời trên Trang thông tin điện tử theo quy định | | Thường xuyên | Ban biên tập và phụ trách CNTT | Đã cập nhật thường xuyên, kịp thời | Thường xuyên |
| 21 | Gửi, nhận, xử lý văn bản dưới dạng điện tử trên hệ thống hệ thống eOffice và sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi thông tin công việc | | Thường xuyên | Cán bộ, công chức Ban dân tộc | | Thường xuyên |
| 22 | Duy trì, áp dụng, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 | Kế hoạch/Báo cáo/Quyết định | Thường xuyên | Cán bộ, công chức Ban dân tộc | - Kế hoạch số 03/KH-BDT ngày 11/01/2023 Quyết định số 49/QĐ-BDT ngày 20/7/2023 | Đúng tiến độ |
| 23 | Thực hiện báo cáo trên Hệ thống | | Thường | Các phòng | Thực hiện đầy đủ | Đúng tiến độ |

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Thời hạn | Phân công thực hiện | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|------------|---|----------------------------------|--|------------------------------|---|----------------|
| | thông tin báo cáo của tỉnh | | xuyên | chuyên môn và phụ trách CNTT | | |
| 24 | Kế hoạch phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2023 | Kế hoạch của Ban Dân tộc | Sau khi có Kế hoạch của UBND tỉnh | Văn phòng | Kế hoạch số 17/KH-BDT ngày 27/3/2023 | Đúng tiến độ |
| 25 | Phối hợp xây dựng, triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án liên quan đến lĩnh vực CCHC của UBND tỉnh | Các văn bản góp ý | Thường xuyên | Văn phòng | Góp ý đầy đủ, đúng thời gian quy định | Đúng tiến độ |
| VII | CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH | | | | | |
| 26 | Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 | Quyết định của Trưởng ban | Quý I/2023 | Văn phòng | Quyết định số 02/QĐ-BDT ngày 11/01/2023 | Đúng tiến độ |
| 27 | Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 | Kế hoạch/Báo cáo của Ban Dân tộc | Sau khi có KH của UBND tỉnh Quý IV/2022 | | Quyết định số 07/QĐ-BDT ngày 02/02/2023 | Đúng tiến độ |
| 28 | Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2023 | Kế hoạch/Báo cáo của Ban Dân tộc | Sau khi có KH của UBND tỉnh Quý IV/2023 | Thanh tra Ban | Quyết định số 16/QĐ-BDT ngày 27/02/2023 | Đúng tiến độ |

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Thời hạn | Phân công thực hiện | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|-----------|---|---|-----------------------------|------------------------------------|--|----------------|
| 29 | Kiểm tra công tác cải cách hành chính | Kế hoạch của Ban Dân tộc | Sau khi có KH của UBND tỉnh | Tổ CCHC | Quyết định số 24/QĐ-BDT ngày 06/4/2023 | Đúng tiến độ |
| | | Báo cáo kết quả kiểm tra; Thông báo kết luận và xử lý sau kiểm tra của Trưởng ban | Quý III/2023 | Đoàn kiểm tra CCHC của Ban Dân tộc | | Đúng tiến độ |
| 30 | Báo cáo định kỳ; tổng kết, đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện cải cách hành chính | Báo cáo của Ban Dân tộc | Theo quy định của UBND tỉnh | Văn phòng | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo số 21/BC-BDT ngày 14/3/2023 - Báo cáo số 76/BC-BDT ngày 14/6/2023 - Báo cáo số 124/BC-BDT ngày 17/8/2023 | Đúng tiến độ |

Phụ lục 2
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI BAN DÂN TỘC
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BDT ngày 14/9/2023 của Ban Dân tộc tỉnh)

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|-----------|--|------------------|---------|------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Công tác chỉ đạo điều hành CCHC | | | |
| 1.1. | - Quyết định số 02/QĐ-BDT ngày 11/01/2023 về Kế hoạch CCHC năm 2023 của Ban Dân tộc. - Quyết định số 35/QĐ-BDT ngày 21/4/2023 về việc điều chỉnh Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 | Quyết định | 1 | - Ban Dân tộc |
| | - Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 30 | - Ban Dân tộc |
| | - Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 27 | - Ban Dân tộc |
| 1.2. | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành: | Văn bản | 10 | - Ban Dân tộc |
| 1.3. | Kiểm tra CCHC Đã thực hiện kiểm tra nội bộ CCHC tại 3/3 phòng thuộc Ban, đạt 100% | Kế hoạch | 1 | - Ban Dân tộc |
| 1.3.1. | Số cơ quan, đơn vị đã kiểm tra | | 3 | |
| | - Số sở, ngành đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| | - Số UBND cấp huyện đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.3.2. | Xử lý sau kiểm tra | | 0 | |
| | - Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | 2 | |
| | - Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | 2 | |
| 1.4. | Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, người đứng đầu tham gia giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 <i>(Ban Dân tộc không có Bộ phận một cửa, một cửa liên thông, việc đánh giá các tiêu chí đối với cán bộ, công chức theo Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh được lồng ghép trong quy chế đánh giá cán bộ, công chức)</i> | Tháng | | - Ban Dân tộc |
| 1.5. | Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao | | | - Ban Dân tộc |
| | - Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | 141 | |
| | - Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 114 | |
| | - Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 0 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|--------------|---|--|-----------|------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1.6. | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của đơn vị mình - Dự kiến thực hiện vào Quý IV | | | - Ban Dân tộc |
| | - Số lượng phiếu khảo sát | Số lượng | | |
| | - Hình thức khảo sát | 1 | | |
| 1.7. | Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp | 0 | 0 | |
| 2. | Cải cách thể chế | | | |
| 2.1. | Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành - Trong quý III năm 2023, Ban Dân tộc có tham mưu ban hành 02 văn bản QPPL (Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 21/7/2023) | Văn bản | 02 | - Ban Dân tộc |
| 2.2. | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền | Văn bản | 0 | |
| 2.3. | Số VBQPPL đã rà soát | Văn bản | 0 | |
| 2.4. | Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát | Văn bản | 0 | |
| 2.5. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 0 | |
| 3. | Cải cách thủ tục hành chính | | | |
| 3.1. | Thống kê TTHC | | | |
| | - Số TTHC tham mưu công bố mới | Thủ tục | 0 | |
| | - Số TTHC tham mưu bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | 0 | |
| 3.2. | Tổng số TTHC ngành/lĩnh vực đang có hiệu lực. Trong đó: | Thủ tục | 02 | - Ban Dân tộc |
| | - Số TTHC cấp tỉnh | Thủ tục | 02 | |
| | - Số TTHC cấp huyện | Thủ tục | 0 | |
| | - Số TTHC cấp xã | Thủ tục | 0 | |
| 3.3. | Công khai TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia | | | - Ban Dân tộc |
| | - Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia | Thủ tục | 02 | |
| | - Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia | Thủ tục | 0 | |
| 3.4. | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (Ban Dân tộc không có Bộ phận một cửa, một cửa liên thông) | Ban Dân tộc không có Bộ phận một cửa, một cửa liên thông | | |
| 3.4.1 | Thống kê quy trình nội bộ giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh | | | |
| 3.4.1.1. | Số quyết định phê duyệt quy trình nội bộ | Quyết định | | |
| | - Thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh | Quyết định | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|---------------|--|------------------|---------|------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | - Thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh | Quyết định | | |
| 3.4.1.2. | Số lượng quy trình nội bộ được phê duyệt | Quy trình | | |
| | - Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh | Quy trình | | |
| | - Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh | Quy trình | | |
| 3.4.1.3. | Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ | % | | |
| 3.4.1.4. | Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa | % | | |
| 3.4.2. | Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông. Trong đó: | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | | |
| 3.4.3. | Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4. Trong đó: | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3 | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 4 | Thủ tục | | |
| 3.4.4. | Số TTHC cho phép thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh. Trong đó: | Thủ tục | | - |
| | - Số TTHC cho phép tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC cho phép trả kết quả qua dịch vụ BCCI | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC cho phép tiếp nhận và trả qua dịch vụ BCCI | Thủ tục | | |
| 3.4.5. | Thống kê TTHC cho phép thanh toán trực tuyến | Thủ tục | | |
| 3.4.6. | Kết quả giải quyết TTHC | Hồ sơ | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp) | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp) | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đầu tư được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp) | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp) | % | | |
| 3.4.7. | Kết quả cung cấp dịch vụ công | | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|-------------|---|------------------|---------|--------------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 3.4.7.1. | Hồ sơ trực tuyến | | | |
| | - Số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 3 | Hồ sơ | 01 | Ban Dân tộc phối hợp thực hiện |
| | - Số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 4 | Hồ sơ | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3 | % | 100 | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 4 | % | | |
| 3.4.7.2. | Hồ sơ thực hiện qua dịch vụ BCCI | | | |
| | - Hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI | Hồ sơ | | |
| | - Hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI | Hồ sơ | | |
| | - Hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI | Hồ sơ | | |
| 3.4.7.3. | Hồ sơ thanh toán trực tuyến | | | |
| | - Số lượng hồ sơ được thanh toán trực tuyến | Hồ sơ | | |
| | - Số tiền được thanh toán trực tuyến | Đồng | | |
| 3.4.7.4 | Tin nhắn tự động thông báo tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC | Tin nhắn | | |
| 4. | Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước | | | |
| 4.1. | Cơ cấu tổ chức bộ máy | | | - Ban Dân tộc |
| 4.1.1. | Số phòng thuộc Ban | phòng | 3 | |
| 4.1.2. | Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 4.1.3. | Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 4.1.4. | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Trong đó: | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| | - Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| | - Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| | - Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| | - Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015 | % | 0 | |
| 4.2. | Số liệu về biên chế công chức | | | - Ban Dân tộc |
| | - Tổng số biên chế được giao trong năm 2022 | Người | 16 | |
| | - Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 16 | |
| | - Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước | Người | 02 | |
| | - Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 1 | |
| | - Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | 5,88 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|-------------|---|--|----------|--------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 4.3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (Ban Dân tộc không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc) | | 0 | |
| 5. | Cải cách chế độ công vụ | | | |
| 5.1. | Vị trí việc làm của công chức, viên chức | | | Ban Dân tộc |
| 5.1.1. | Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | 1 | |
| 5.1.2. | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 5.1.3. | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 5.2. | Tuyển dụng công chức, viên chức | | | Ban Dân tộc |
| 5.2.1. | Tuyển dụng công chức | | 0 | |
| | - Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 0 | |
| | - Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | 0 | |
| | - Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên | Người | 0 | |
| 5.2.2. | Tuyển dụng viên chức | | 0 | |
| | - Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 0 | |
| | - Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | 0 | |
| 5.3. | Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo | | | Ban Dân tộc |
| | - Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển | Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0 | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới | Người | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới | Người | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới | Người | 0 | |
| 5.4. | Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền) | | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật | Người | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | Người | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | Người | 0 | |
| | - Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật | Người | 0 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|--------|--|--|---------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 6. | Cải cách tài chính công | | | Ban Dân tộc không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc |
| 7. | Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số | | | |
| 7.1. | Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0 | Chưa = 0 Hoàn thành = 1 | | |
| 7.2. | Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i> | Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2 | | |
| 7.3. | Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia | Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2 | | |
| 7.4. | Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) | Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2 | | |
| 7.5. | Cổng/trang thông tin điện tử | Cổng/trang | | |
| | - Cấp tỉnh | Chưa = 0 Có = 1 | 1 | |
| | - Cấp huyện | Chưa = 0 Có = 1 | | |
| | - Cấp xã | Cổng/trang | | |
| 7.6. | Hệ thống Quản lý và điều hành văn bản (E-Office) | | | |
| 7.6.1. | Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong đó: | | | |
| | - Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh | % | | |
| | - Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh | % | | |
| | - Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện | % | | |
| 7.6.2. | Số lượng chứng thư số, chữ ký số đã cấp. Trong đó: | Chứng thư số, chữ ký số | | |
| | - Cấp tỉnh | Chưa = 0 | 1 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|-------------|--|--|---------------------------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | | <i>Có = 1</i> | | |
| | - <i>Cấp huyện</i> | <i>Chưa = 0</i> <i>Có = 1</i> | | |
| | - <i>Cấp xã</i> | <i>Chứng thư số,</i> <i>chữ ký số</i> | | |
| 7.6.3. | Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong đó: | Văn bản | 655 | - Ban Dân tộc |
| | - <i>Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)</i> | 93,9% | 1079/1149 đạt tỷ lệ 93,9% | Từ ngày 14/4/2023 – 04/5/2023, Ban Dân tộc thu hồi CTS cũ và đề nghị cấp CTS mới theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông |
| | - <i>Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy</i> | 6,1% | 70/1149 đạt tỷ lệ 6,1% | |
| 7.6.4. | Thư điện tử công vụ đang sử dụng. Trong đó: | | | |
| | - <i>Cấp tỉnh</i> | <i>Email</i> | 8 | <i>Ban Dân tộc</i> |
| | - <i>Cấp huyện</i> | <i>Email</i> | | |
| | - <i>Cấp xã</i> | <i>Email</i> | | |
| 7.7. | Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh | | | |
| | - Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | | |
| | - Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | | |
| | - Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | | |